

BỘ 05 ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN: TOÁN 3

ĐỀ SỐ 1:

PHẦN I: Trắc nghiệm(3 điểm)

Câu 1: Đọc số sau **XX**

- A. Mười B. Hai mươi C. Mười hai D. Mười lăm

Câu 2: Giá trị của biểu thức: $45+81: 9$ là :

- A. 54 B. 14 C. 45 D. 41

Câu 3: Một cửa hàng có 6450l dầu. Đã bán $\frac{1}{3}$ số l dầu đó. Hỏi cửa hàng đã bán bao nhiêu l dầu?

- A. 2510 B. 2150 C. 19350. D. 19530

Câu 4: $7m3cm =cm$? Số thích hợp điền vào chỗ chấm.

- A.73 B. 703 C. 730 D. 7003

Câu 5: Chữ số ở hàng chục nghìn trong số 79356 là :

- A. 6 B. 5 C. 9 D. 7

Câu 6: Tính chu vi hình tam giác có độ dài các cạnh là: 12cm , 25cm , 32cm.

- A. 97cm B . 96 cm C. 69cm D. 79cm

PHẦN II: Tự luận (7 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính

- a. $23568 + 4563$ b. $80642 - 35\,726$ c. 1750×4 d. $63750 : 5$

.....			
.....			
.....			

Câu 2: (1 điểm) Tìm x

a, $X \times 3 = 43590$

b, $X : 7 = 3269$

.....	
.....	

Câu 3: (3 điểm) Một hình chữ nhật có chiều dài 12cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật đó?

.....

.....

.....

.....

Bài 4: (1đ) Tính nhanh giá trị của biểu thức

$$56 \times 9 - 56 \times 3 - 56 \times 4 - 56$$

ĐỀ SÔ 2

PHẦN I : Trắc nghiệm : Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1 : M1 (0,5 điểm) Số thích hợp để điền vào chỗ chấm $98\text{m}^2 7\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$ là

- A. 987 B. 9807 C. 98007 D. 9 0870

Câu 2 : M1 (0, 5 điểm) a , Phân số $\frac{4}{5}$ bằng phân số nào dưới đây:

- A. $\frac{20}{12}$ B. $\frac{24}{30}$ C. $\frac{12}{15}$ D. $\frac{7}{18}$

Câu 3 : M1 (0,5 điểm) $a = 4$, $b = 5$ Tỉ số của a và b được viết là :

- A. $\frac{4}{5}$ B. $\frac{5}{4}$ C. $\frac{9}{5}$ D. $\frac{1}{2}$

Câu 4 : M3 (1 điểm) Trên bản đồ ghi tỉ lệ 1 : 10 000 quãng đường từ A đến B đo được 2 dm . Như vậy độ dài thật của quãng đường từ A đến B là :

- A 20 000 m B 200 000 dm C 2 km D 2000 cm

Câu 5 : M2 (0,75 điểm) Kết quả của phép tính

a) $\frac{1}{3} + \frac{1}{4} \times \frac{2}{3}$ là :

- A. $\frac{4}{21}$ B. $\frac{1}{2}$ C. $\frac{7}{18}$ D. $\frac{20}{12}$

A . 9720 cm B . 120 cm C . 198 cm D . 396 cm .

A. 40 tuổi B. 50 tuổi D. 35 tuổi C. 45 tuổi

Câu 8 M2 (1,5 điểm): Tính giá trị của biểu thức

b) $4214 - 5428 : 236$

[illegible]

Bài giải

[illegible]

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 3

1. Chữ số 3 trong số: 9 231 587 có giá trị là:

A. 3 000 000

B. 30 000

C. 3 000

D. 300 000

2. Một tấm kính hình thoi có độ dài các đường chéo là 18cm và 30cm. Diện tích tấm kính đó là:

A. 270 cm²

B. 270 m²

C. 540 cm²

D. 54 cm²

3. Trong các phân số sau phân số tối giản là:

A. $\frac{2}{10}$

B. $\frac{48}{5}$

C. $\frac{8}{40}$

D. $\frac{18}{36}$

4. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 100 000, quãng đường từ A đến B đo được 1cm. Độ dài thật của quãng đường từ A đến B là:

A. 100 000 m

B. 10 000 m

C. 1 000 m

D. 1000 km

5. Tìm y, biết y là số chia hết cho 2; 3; 5; 9 và $440 < y < 490$

A. 450

B. 460

C. 470

D. 480

6. Nếu quả táo cân nặng 50g thì cần bao nhiêu quả táo như thế để cân được 4kg ?

A. 80

B. 200

C. 80 quả

D. 40 quả

7. Mẹ hơn con 27 tuổi. Sau 3 năm nữa, tuổi mẹ sẽ gấp 4 lần tuổi con. Tuổi của mỗi người hiện nay là:

A. 9 tuổi; 36 tuổi

B. 9; 36

C. 12 tuổi; 39 tuổi

D. 6 tuổi; 33 tuổi

8. Tích của hai số là 3684. Nếu gấp một thừa số lên 3 lần thì tích của hai số là:

A. 1128

B. 11052

C. 3687

D. 3681

9. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

$$35 \text{ m}^2 25 \text{ dm}^2 = 3525 \text{ dm}^2 \quad \square$$

$$2 \text{ tấn } 3 \text{ kg} = 2003 \text{ kg} \quad \square$$

$$3 \text{ ngày } 4 \text{ giờ} = 72 \text{ giờ} \quad \square$$

$$\frac{2}{5} \text{ thế kỷ} = 20 \text{ năm} \quad \square$$

10. Nối phép tính với kết quả đúng của nó:

$$\frac{3}{7} + \frac{4}{5}$$

$$\frac{15}{88}$$

$$\frac{1}{2}$$

$$\frac{5}{8} \times \frac{3}{11}$$

$$\frac{5}{7} - \frac{2}{9}$$

$$\frac{31}{63}$$

$$\frac{43}{35}$$

$$\frac{6}{10} : \frac{6}{5}$$

II. PHẦN TỰ LUẬN (4 điểm)

Câu 7: Tìm x: (1điểm)

a) $x : \frac{2}{5} = \frac{3}{7}$

b) $\frac{6}{5} - x = \frac{7}{8}$

.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....

Câu 8: Tính:

a) $\frac{2}{5} + \frac{3}{10} - \frac{1}{2}$

b) $\frac{8}{11} + \frac{8}{33} \times \frac{3}{4}$

.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....

Câu 9: Một miếng kính hình thoi có độ dài đường chéo thứ nhất là 25m, đường chéo thứ hai có độ dài bằng $\frac{3}{5}$ độ dài đường chéo thứ nhất. Tính diện tích miếng kính đó.

.....

Câu 10 Tổng của hai số là số chẵn lớn nhất có hai chữ số. Số bé bằng $\frac{3}{4}$ số lớn. Tìm hai số đó.

ĐỀ SỐ 5

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

***Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng**

Câu 1 (1 điểm) Trong các phân số sau, phân số tối giản là:

(M1)

a. $\frac{12}{6}$

b. $\frac{2}{6}$

c. $\frac{3}{6}$

d. $\frac{41}{6}$

Câu 2 (1 điểm) Giá trị của chữ số 5 trong số 58 3624 là:

(M1)

a. 800

b. 8 000

c. 80 000

d. 800 000

Câu 4: (1 điểm) Phân số $\frac{2}{3}$ bằng phân số nào dưới đây

a. $\frac{20}{18}$

b. $\frac{15}{45}$

c. $\frac{10}{15}$

d. $\frac{4}{5}$

(M4)

a. $\frac{13}{60}$

b. $\frac{1}{15}$

c. $\frac{29}{60}$

d. $\frac{3}{60}$

Câu 6 (1 điểm): Tìm x

(M2)

a) $x : \frac{3}{4} = \frac{5}{6}$

Câu 7 (1,5 điểm) Tính

(M3)

a) $3 + \frac{5}{2} =$

b) $\frac{2}{8} : \frac{4}{8}$

c) $\frac{13}{5} - 2 =$

(M3)

[illegible]

(M2)

A full-page sheet of white graph paper featuring a uniform grid of thin black horizontal and vertical lines. The grid covers the entire area of the page, providing a template for drawing or writing.

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 điểm) Mỗi câu đúng đạt 1 điểm.

Câu 1 (M1)	Câu 2 (M1)	Câu 3 (M2)	Câu 4 (M2)	Câu 5 (M2)	Câu 6 (M3)
Đáp án D	Đáp án A	Đáp án C	Đáp án B	Đáp án C	Đáp án A

II. PHẦN TỰ LUẬN (4 điểm)

Câu 7: Tìm x: 1đ, mỗi bài đúng 0,5đ

$$a) x : \frac{2}{5} = \frac{3}{7}$$

$$x = \frac{3}{7} \times \frac{2}{5}$$

$$x = \frac{6}{35}$$

$$b) \frac{6}{5} - x = \frac{7}{8}$$

$$x = \frac{6}{5} - \frac{7}{8}$$

$$x = \frac{48}{40} - \frac{35}{40}$$

$$x = \frac{13}{40}$$

Câu 8: Tính: 1đ, mỗi bài đúng 0,5đ

$$a) \frac{2}{5} + \frac{3}{10} - \frac{1}{2}$$

$$= \frac{4}{10} + \frac{3}{10} - \frac{1}{2}$$

$$= \frac{7}{10} - \frac{1}{2} = \frac{7}{10} - \frac{5}{10}$$

$$= \frac{7}{10} - \frac{5}{10} = \frac{2}{10}$$

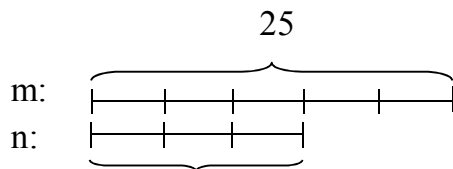
$$b) \frac{8}{11} + \frac{8}{33} \times \frac{3}{4}$$

$$= \frac{8}{11} + \frac{24}{132}$$

$$= \frac{8}{11} - \frac{2}{11} = \frac{6}{11}$$

Câu 9: Một miếng kính hình thoi có độ dài đường chéo thứ nhất là 25m, đường chéo thứ hai có độ dài bằng $\frac{3}{5}$ độ dài đường chéo thứ nhất. Tính diện tích miếng

l Tóm tắt (0,2đ)



Giải:

Độ dài đường chéo thứ hai là: (0,1đ)

$$25 : 5 \times 3 = 15 \text{ (m)} \text{ (0,25đ)}$$

Diện tích hình thoi là: (0,1đ)

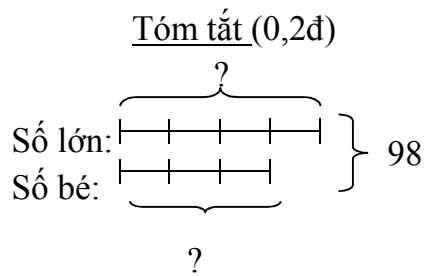
$$25 \times 15 = 375 \text{ (m}^2\text{)} \text{ (0,25đ)}$$

Đáp số: 375m² (0,1đ)

(Nếu hs tìm đường chéo mà lấy 25 x $\frac{3}{5}$ vẫn tính điểm)

Câu 10 : Tổng của hai số là số chẵn lớn nhất có hai chữ số. Số bé bằng $\frac{3}{4}$ số lớn.

Tìm hai số đó.



Giải:

Số chẵn lớn nhất có 2 chữ số là: 98 (0,1đ)

Tổng số phần bằng nhau là: (0,1đ)

$$4 + 3 = 7 \text{ (0,1đ)}$$

Số lớn là: (0,1đ)

$$98 : 7 \times 4 = 56 \text{ (0,1đ)}$$

Số bé là: (0,1đ)

$$98 - 56 = 42 \text{ (0,1đ)}$$

Đáp số (0,1đ): Số lớn 56

Số bé 42

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2

PHẦN I: Trắc nghiệm(3 điểm)

Mỗi câu đúng 0,5 điểm

Câu 1: B. Hai mươi

Câu 2: A. 54.

Câu 3: B. 2150.

Câu 4: A. 73.

Câu 5: D.7.

Câu 6: C.69cm.

PHẦN II: Tự luận (7 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính (Mỗi ý được 0,5 điểm)

a. $28\ 131$

b. $44\ 916$

c. $7\ 000$

d. $12\ 750$

Câu 2: (1 điểm) Tìm x

a) $X \times 3 = 43590$

b) $X : 7 = 3269$

$X = 43\ 590 : 3$

$X = 3269 \times 7$

$X = 14\ 530$

$X = 22\ 883$

Câu 3: (3 điểm)

Chiều rộng hình chữ nhật là

(0,5điểm)

$12 : 3 = 4\text{ (cm)}$

(0,5 điểm)

Diện tích hình chữ nhật đó là

(0,5 điểm)

$12 \times 4 = 48\text{ (cm}^2\text{)}$

(1 điểm)

Đáp số : 48cm^2

(0,5 điểm)

Bài 4: (1 điểm)

$56 \times 9 - 56 \times 3 - 56 \times 4 - 56$

$= 56 \times (9 - 3 - 4 - 1)$

$= 56 \times 1$

$= 56$

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 3

I : Trắc nghiệm

Câu 1: B

Câu 2: B

Câu 3: A

Câu 4: C

Câu 5: B

Câu 6: D

Câu 7: C

II: Tự luận

Câu 8

a) (0,75 điểm)

$$102 + 5306$$

$$= 5408$$

b) (0,75 điểm)

$$4214 - 23$$

$$= 4191$$

Câu 9:

Bài giải

Nửa chu vi hình chữ nhật là :

$$240 : 2 = 120 \text{ (cm)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Vẽ sơ đồ..... (0,5 điểm)

Tổng số phần bằng nhau là:

$$5 + 7 = 12 \text{ (phần)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Chiều rộng hình chữ nhật là

$$120 : 12 \times 5 = 50 \text{ (cm)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Chiều dài của hình chữ nhật là :

$$120 - 50 = 70 \text{ (cm)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Diện tích hình chữ nhật là

$$50 \times 70 = 3500 \text{ (cm}^2\text{)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

$$\underline{\text{Đáp số :}} \quad 3500 \text{ (cm}^2\text{)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Câu 10:

Bài giải

Tổng của hai số là

$$345 \times 2 = 690 \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Số bé là :

$$(690 - 180) : 2 = 255 \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Số lớn là :

$$255 + 180 = 435 \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Đáp số : Số bé : 255

Số lớn : 435 (0,25 điểm)

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 4

A. Phần trắc nghiệm(7 điểm)

Câu 1-8: Mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án đúng	B	A	B	C	A	C	D	B

Câu 9 (1điểm) Mỗi ý đúng cho 0,25 điểm

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$$35 \text{ m}^2 25\text{dm}^2 = 3525 \text{ dm}^2$$

$$2 \text{ tấn } 3 \text{ kg} = 2003 \text{ kg}$$

$$2 \text{ phút } 15 \text{ giây} = 135 \text{ giây}$$

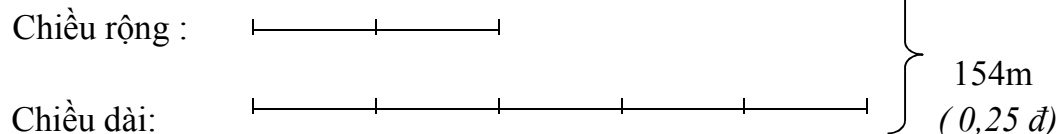
$$\frac{2}{5} \text{ thế kỷ} = 40 \text{ năm}$$

Câu 10 (2 điểm) Nối mỗi ý đúng cho 0,5 điểm.

Câu 11: 2 điểm

Bài giải

a) Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 5 = 7(\text{phần}) \quad (0,25\text{đ})$$

Chiều rộng của thửa ruộng hình chữ nhật đó là:

$$154 : 7 \times 2 = 44 \text{ (m)} \quad (0,25\text{đ})$$

Chiều dài của thửa ruộng hình chữ nhật đó là:

$$154 - 44 = 110 \text{ (m)} \quad (0,25\text{đ})$$

Diện tích của thửa ruộng hình chữ nhật đó là:

$$110 \times 44 = 4840 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,25\text{đ})$$

b) Số thóc người ta thu hoạch được trên thửa ruộng đó là:

$$4840 \times \frac{3}{4} = 3630 \text{ (kg)} \quad (0,5\text{đ})$$

Đáp số: a) 4840 m² (0,25đ)

b) 3630 kg thóc

Câu 12: 1 điểm

Bài giải

Tổng số tuổi của bốn người trong gia đình Lan là:

$$22 \times 4 = 88 \text{ (tuổi)} \quad (0,25\text{đ})$$

Không tính tuổi của bố Lan tổng số tuổi của ba người còn lại là:

$$17 \times 3 = 51 \text{ (tuổi)} \quad (0,25\text{đ})$$

Tuổi của bố Lan là:

$$88 - 51 = 36 \text{ (tuổi)} \quad (0,25\text{đ})$$

Đáp số: 36 tuổi (0,25đ)

Chú ý: Trong mỗi bài học sinh có cách giải khác đúng vẫn cho điểm tối đa bài đó

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 5

Hướng dẫn chấm:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	d	c	a	c	c
Mức	1	1	1	2	4
Điểm	1	1	1	1	1

Tự luận:

Câu 6: (1 điểm) $x = \frac{15}{24}$

Câu 7: (1,5 điểm)

a) $3 + \frac{5}{2} = \frac{6}{2} + \frac{5}{2} = \frac{11}{2}$ b) $\frac{2}{8} : \frac{4}{8} = \frac{2}{8} \times \frac{8}{4} = \frac{16}{32} = \frac{1}{2}$ c) $\frac{13}{5} - 2 = \frac{13}{5} - \frac{10}{5} = \frac{3}{5}$

Câu 8: (1,5 điểm)

Giá trị một phần (hay Số số học sinh Giỏi là):

0,5đ

$140 : (3 - 2) = 70$ (học sinh)

0,25đ

Số học sinh khá:

0,25đ

70×3 hoặc $140 + 70 = 210$ (học sinh)

0,25đ

Đáp số: Khá: 210 học sinh

Giỏi: 70 học sinh

0,25đ

Câu 9: (1 điểm)

Chiều rộng hình chữ nhật là: $24 \times \frac{2}{3} = 16$ (m)

0,5đ

Diện tích hình chữ nhật là: $24 \times 16 = 384$ (m²)

0,5đ

Đáp số: 384 m²